

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2025/DS-ST**.

Ngày: 20-8-2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hòa và bà Lê Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Danh Quốc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9- Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2025/TLST-DS, ngày 19 tháng 5 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2025/QĐST-DS, ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ: Số B - B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q và Khai thác tài sản Ngân hàng S;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lã Ngọc M, chức vụ: Nhân viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q và Khai thác tài sản Ngân hàng S – *Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: Số A KP B phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ trước khi sáp nhập: Số A KP B phường Đ, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bị đơn: Bà Đàm Thị H, sinh năm 1994– *Vắng mặt*.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, tỉnh Lâm Đồng (Địa chỉ trước khi sáp nhập: Thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết, ông Lã Ngọc M trình bày:

Ngày 19/11/2018, bà Đàm Thị H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Đàm Thị H, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng số 472074-7102 với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Đàm Thị H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 52.519.148 đồng. Trong quá trình sử dụng Thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Đàm Thị H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 43.833.754 đồng. Do bà Đàm Thị H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/04/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 17.465.026 đồng làm nợ gốc và tính lãi hàng tháng trên dư nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng X 150%= 3,9%/tháng lãi quá hạn). Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Đàm Thị H vẫn không thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản tại Hợp đồng đã ký.

Về yêu cầu khởi kiện: Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án giải quyết, buộc bà Đàm Thị H phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 20/8/2025 là: 53.361.631 đồng trong đó: Nợ gốc: 17.465.026 đồng, L quá hạn: 35.896.605 đồng. Bà Đàm Thị H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 21/8/2025 cho đến khi trả xong nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

2. Đối với bị đơn bà Đàm Thị H: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Đàm Thị H, nhưng bà H đều vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người đại diện theo ủy quyền của nguyên

đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với tất cả các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.3]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Đàm Thị H có địa chỉ cư trú tại thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông nay là thôn A, xã N, tỉnh Lâm Đồng do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4]. Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về hợp đồng tín dụng:

Ngày 19/11/2018, bà Đàm Thị H ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng và được Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng số 472074-7102 với hạn mức sử dụng là 15,000,000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Xét thấy Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, tuân thủ đúng quy định của pháp luật về nội dung và hình thức. Do đó, hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng đã ký là hợp pháp.

[2.2]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc:

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Đàm Thị H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 52.519.148 đồng. Trong quá trình sử dụng Thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Đàm Thị H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 43.833.754 đồng còn nợ lại 17.465.026 đồng. Do bà Đàm Thị H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/04/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, thông báo cho bị đơn biết, yêu

cầu thanh toán nợ nhưng bà Đàm Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 2, Điều 23, Điều 26 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số nợ gốc còn lại là có căn cứ, cần chấp nhận, buộc bị đơn phải thanh toán số nợ gốc là: 17.465.026 đồng.

[2.3]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất:

Nội dung thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi chậm trả trong Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 3, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 tại thời điểm các bên ký kết hợp đồng; phù hợp với quy định tại Điều 100 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 trong quá trình thực hiện hợp đồng; phù hợp với các quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất, buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất quá hạn tính đến ngày xét xử ngày 20/8/2025 là: 35.896.605 đồng. Bà Đàm Thị H phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận theo hợp đồng kể từ ngày 21/8/2025 cho đến khi trả xong nợ.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng tại phiên toà là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các Điều 357, 429, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 3, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 100, 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn bà Đàm Thị H.

Buộc bà Đàm Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20-8-2025) là: 53.361.631đ (*Năm mươi ba triệu, ba trăm sáu một nghìn, sáu trăm ba một đồng*) trong đó: Nợ gốc:

17.465.026đ (Mười bảy triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm hai sáu đồng),
Lãi quá hạn: 35.896.605đ (Ba mươi lăm triệu, tám trăm chín sáu nghìn, sáu trăm lẻ năm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21-8-2025), bà Đàm Thị H phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Bản án, quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Bà Đàm Thị H phải nộp: 2.668.000đ (Hai triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 925.351đ (chín trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm năm mươi một đồng) theo biên lai số 0030652 ngày 09/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 9 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS Khu vực 9 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS Khu vực 7- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Huệ